

Danapha  
**50 năm**  
cống hiến & chia sẻ

**50** năm  
Thành lập **Danapha**  
1965-2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

## Mục Lục

4	Sự kiện nổi bật
6	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
6	Con số ấn tượng
8	Giới thiệu Ban Lãnh đạo
10	Sơ đồ tổ chức
12	Báo cáo hoạt động SXKD năm 2014 Mục tiêu, định hướng, giải pháp 2015
22	Báo cáo Tài chính Thông tin về Công ty Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo của Kiểm toán độc lập Bảng cân đối kế toán Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Báo cáo chuyển lưu tiền tệ Thuyết minh báo cáo tài chính



“Tập trung mọi tiềm lực và trí tuệ nhằm thực hiện các cam kết về chất lượng dòng sản phẩm Đông dược, góp phần vào chính sách quốc gia về bảo tồn và phát triển cây thuốc quý và đem lại các giá trị điều trị đích thực cho người bệnh”

1

Danapha lần thứ ba liên tiếp lọt vào Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam - FAST500

Công ty Vietnam Report vừa công bố Bảng xếp hạng FAST500 - Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam kỳ công bố năm 2015, đồng thời Danapha vinh dự được tôn vinh trong Danh sách Vietnam Best Growth Companies - Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn 2009 - 2015.

Với việc được tôn vinh trong Bảng xếp hạng FAST500 và Vietnam Best Growth Companies, Danapha đã khẳng định được vị thế vượt trội trong cộng đồng doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam về hiệu quả kinh doanh ổn định, bền vững, tuân thủ pháp luật trong suốt giai đoạn 2009 - 2014 và đặc biệt có mặt trong 3 năm liên tiếp công bố bảng xếp hạng FAST500. Đây là thành tích nổi trội và đáng được ghi nhận, Danapha hoàn toàn có quyền tự hào là một trong những doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng tốt nhất và bền vững, là hình mẫu tiêu biểu cho sự thành công của cộng đồng doanh nghiệp tăng trưởng nhanh của đất nước trong giai đoạn sau hội nhập WTO.

Năm 2015 là năm thứ 5 liên tiếp Bảng xếp hạng Fast500 được công bố kể từ năm 2011, đánh dấu một chặng đường trưởng thành của các doanh nghiệp Việt Nam. Đồng hành cùng với Fast500 trong thời gian này, Danapha cũng đã khẳng định được sự năng động, tinh sáng tạo và nỗ lực tăng trưởng của mình trước bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước còn nhiều biến động và hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu "những ngôi sao đang lên" của nền kinh tế.



2

Danapha vinh dự nhận bằng khen "Doanh nghiệp tiêu biểu 2014"

Ngày 17/3/2015, Lễ tôn vinh "Doanh nghiệp tiêu biểu 2014" đã được tổ chức long trọng tại Khách Sạn Minh Toàn Galaxy, Đà Nẵng. Trong buổi lễ này, Danapha đã vinh dự đứng ở vị trí thứ 2 trong top 20 "Doanh nghiệp tiêu biểu" của Đà Nẵng năm 2014.

Để nhận được vinh dự này, Danapha cùng các doanh nghiệp tại Đà Nẵng đã trải qua vòng sơ tuyển với 200 doanh nghiệp được Hội đồng xét chọn giới thiệu và vòng chung tuyển do Hội đồng xét chọn xem xét và thẩm định nghiêm ngặt. Theo đó, Danapha đã nhận được Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng vì đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu toàn diện, có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng năm 2014.

Bằng khen này chính là sự ghi nhận cao quý đối với những đóng góp của Danapha vào sự phát triển chung của thành phố, đồng thời cũng là sự khuyến khích để Danapha nỗ lực hơn nữa nâng cao tiềm lực, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm.



3

Danapha 16 năm liên tục đạt nhãn hiệu chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao 1999-2015 do người tiêu dùng bình chọn

Ngày 5/2/2015 vừa qua, Lễ công bố và trao danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao 2015 đã được tổ chức tại Hội trường thành phố Hồ Chí Minh với sự tham gia của hơn 1000 đại biểu, đại diện cho hơn 500 doanh nghiệp chủ lực của nền kinh tế Việt Nam cùng các chuyên gia kinh tế, các đối tác trong và ngoài nước.

Trước buổi lễ công bố này, cuộc điều tra bình chọn HVNCLC đã được thực hiện một cách nghiêm túc trên hơn 20 tỉnh thành toàn quốc (với khoảng 20.000 phiếu điều tra) và chọn ra 522 doanh nghiệp mạnh, có thực lực thị trường và xứng đáng với sự tin tưởng, kỳ vọng của người tiêu dùng. Trong đó, Danapha là một trong những doanh nghiệp Dược hàng đầu được ghi nhận và biểu dương về những thành tựu trong năm 2014.

Ra đời từ năm 1996 cho đến nay, Hàng Việt Nam chất lượng cao đã luôn giữ vững được sứ mệnh cổ vũ cho ý thức "ưu tiên dùng hàng Việt Nam" và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Song hành cùng với chương trình, Danapha đã luôn mạnh dạn đổi mới công nghệ, vận hành hệ thống quản lý tiên tiến, xây dựng và phát triển thương hiệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, từ đó chiếm lĩnh thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu. Với những nỗ lực không ngừng nghỉ đó, Danapha tự hào doanh nghiệp liên tục 16 năm liền đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao từ năm 1999 đến nay.

Nhận thức được sự tin tưởng và kỳ vọng của người tiêu dùng, Danapha sẽ tiếp tục cố gắng vì sức khỏe cộng đồng. Đồng thời, với danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao, Danapha sẽ tiếp tục đầu tư cải tiến, và phát triển hơn nữa để giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu rộng lớn.

SỰ KIỆN NỔI BẬT 2014

4

Danapha tự hào đạt danh hiệu "Ngôi sao thuốc Việt 2014"

"Con đường thuốc Việt" là chương trình tôn vinh các sản phẩm thuốc Việt tốt về chất lượng, đảm bảo hiệu quả điều trị, an toàn trong sử dụng và được Hội đồng chuyên môn đánh giá cao, được người dân tin cậy sử dụng. Đây là chương trình truyền thông lớn do Cục Quản lý Dược xây dựng và triển khai một cách bài bản nhằm tôn vinh thuốc Việt và góp phần hiện thực hóa đề án "Người Việt ưu tiên dùng thuốc Việt".

Trải qua các vòng bình chọn nghiêm túc, gặt gao từ những chuyên gia uy tín hàng đầu của ngành Y Dược, Danapha tự hào đón nhận danh hiệu "Ngôi sao thuốc Việt". Ngoài ra, 3 sản phẩm Đông Dược: VG5, Tadimax, Dưỡng Tâm An Thần được Danapha dày công nghiên cứu và bào chế từ các thảo dược thiên nhiên cũng đã được vinh danh "Ngôi sao thuốc Việt". Đây là danh hiệu uy tín nhất của ngành Dược hiện nay, là sự ghi nhận về giá trị thật sự của sản phẩm trên thị trường cũng như trong khoa học, cũng là cầu nối giữa các sản phẩm Dược sản xuất trong nước với người tiêu dùng.

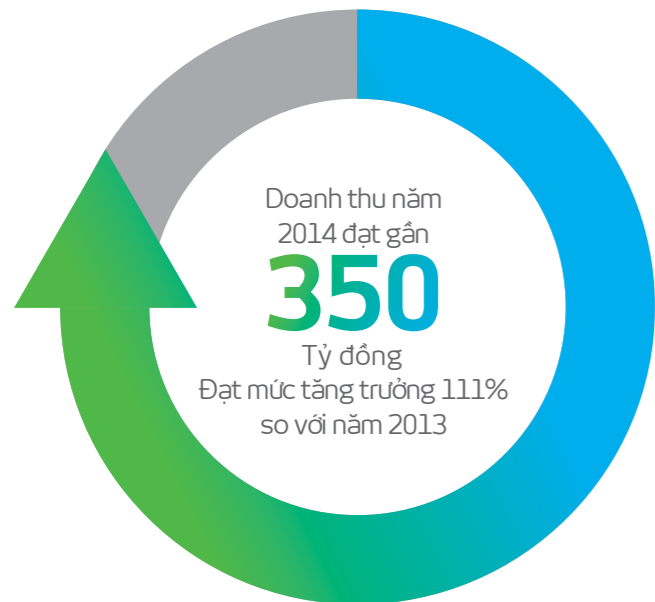
Danh hiệu này sẽ là động lực để tập thể Danapha tiếp tục nghiên cứu khoa học, đầu tư nâng cao sản xuất để cho ra đời những sản phẩm Dược chất lượng cao, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành Dược Việt Nam và đảm bảo nguồn cung ứng thuốc chữa bệnh cho nhân dân một cách ổn định.





“Tối ưu hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp, tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư song song với việc đóng góp cho cộng đồng, tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội”

Ths. Ds. Nguyễn Quang Trị  
Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc



## CON SỐ ẤN TƯỢNG

Lợi nhuận năm 2014 đạt gần  
**46** Tỷ đồng  
Đạt mức tăng trưởng 113% so với năm 2013

Thu nhập bình quân đạt  
**12,5** triệu đồng  
1 người/ 1 tháng

Quý vị cổ đông kính mến!

Kinh tế Việt Nam năm 2014 có nhiều khởi sắc nhưng hoạt động của các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn nhiều vấn đề đáng lo ngại. Khó khăn vẫn bủa vây doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, con số doanh thu năm 2014 đạt 349,7 tỷ đồng tương đương với 99,9% kế hoạch là một sự nỗ lực lớn của tập thể người lao động Danapha. Bên cạnh đó, các nỗ lực trong việc thực thi các chính sách tiết kiệm để giảm giá vốn hàng bán, tiết kiệm chi phí quản lý tài chính, quản lý doanh nghiệp đã mang lại lợi nhuận một cách khả quan với 45,7 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đạt 108,9% kế hoạch đề ra, mang lại một lợi ích nhất định cho các cổ đông và nhà đầu tư. Công tác an sinh xã hội, duy trì việc làm và chăm lo đời sống cho người lao động tiếp tục được cam kết thực hiện. Thu nhập bình quân đạt 12,5 triệu đồng/ 1 người/ 1 tháng.

Song bên cạnh những thành công đó, các tồn tại, hạn chế vẫn chưa được giải quyết dứt điểm như: Tốc độ tăng trưởng doanh thu vẫn chưa được cải thiện làm hạn chế việc triển khai các kế hoạch phát triển dài hạn; Việc phát triển nhóm hàng Đông dược chưa đạt yêu cầu dẫn đến kế hoạch 100 tỷ đồng cho nhóm sản phẩm chủ lực không thành công; Việc phát triển kênh OTC vẫn còn chậm, sản phẩm đặc trưng cho kênh này còn thiếu; Việc định vị thương hiệu Danapha còn chưa rõ ràng; Sự phát triển mạnh mẽ của các đối thủ cạnh tranh... đã tạo nên sự trăn trở và áp lực không nhỏ đối với lãnh đạo công ty.

Năm 2015 là năm có nhiều sự đổi thay mạnh mẽ, vốn điều lệ đã tăng thêm 50%, các dự án trọng điểm cũng sẽ được triển khai để tạo nên sự thay đổi và đột phá trong hoạt động của doanh nghiệp. Áp lực về cổ tức, vốn đầu tư từ đó cũng sẽ tăng theo nhưng đã đến lúc chúng ta không thể dừng lại, sân chơi ngày càng rộng hơn, thế giới đã ngày càng phẳng hơn, nếu không tạo được sự biến chuyển, chúng ta sẽ tự kim hãm con đường phát triển của chính mình.

Năm 2015 chúng ta cũng sẽ kỷ niệm 50 năm thành lập công ty. Lòng tự hào về quá trình phát triển lâu đời của doanh nghiệp, sự lèo lái con thuyền Danapha vượt qua các thăng

trầm, khó khăn của các giai đoạn lịch sử của các thế hệ lãnh đạo để có được một Danapha như hôm nay sẽ giúp chúng ta đẩy lùi các khó khăn phía trước. Cộng với sự đồng lòng, thấu hiểu, sẻ chia của cả tập thể Danapha, tôi tin tưởng rằng nhất định chúng ta sẽ vượt qua được chính mình và thực hiện thắng lợi các kế hoạch đề ra, hướng đến sự tăng trưởng bền vững.

Bên cạnh các giải pháp về SXKD, Danapha cũng cam kết đảm bảo mọi quyền lợi chính đáng của người lao động, chăm lo đời sống tinh thần của CBCNV, thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội với các cam kết về bảo vệ môi trường, tham gia các chương trình thiện nguyện, thực hiện một cách đầy đủ các cam kết đối với khách hàng, với cổ đông và nhà đầu tư.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Danapha trân trọng gửi lời cảm ơn đến tập thể người lao động Danapha, những người đã cùng chung vai sát cánh với Công ty trong những thời điểm khó khăn nhất; đồng thời gửi đến Quý vị cổ đông lời cảm ơn chân thành về những tin tưởng và sự ủng hộ với Danapha trong thời gian qua, sự ủng hộ của quý vị luôn là sự khích lệ lớn lao và góp phần không nhỏ vào các thành công của Danapha. Tôi cũng tin tưởng rằng với các định hướng và chiến lược phát triển doanh nghiệp đúng đắn, Danapha sẽ tiếp tục tăng trưởng và chinh phục các đỉnh cao mới trong tương lai.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe và gặt hái nhiều thành công.

Trân trọng,

Ths. Ds. Nguyễn Quang Trị  
Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc

## Hội Đồng Quản Trị



THS. DS. **NGUYỄN QUANG TRỊ**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**“Quyết tâm thực hiện mạnh mẽ các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian đến, khẳng định vị thế của Danapha trên thị trường dược phẩm của Việt Nam và khu vực”**



DS. **MAI ĐĂNG ĐẤU**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị



CN. **PHẠM KHẮC HÀ**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị



KS. **NGUYỄN THỊ VẠN THỌ**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị



DS. **PHẠM THỊ THU HÀ**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Cổ phần hóa từ tháng 10/2006 và chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2007 với tên gọi Công ty Cổ phần Dược Danapha. Trải qua gần 50 năm trưởng thành và phát triển, Danapha ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm, thương hiệu ngày càng được khẳng định tại Việt Nam và thế giới. Danapha hiện có 2 nhà máy với 4 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc của Tổ chức Y tế thế giới” (GMP-WHO); bao gồm hệ thống kiểm nghiệm đạt chuẩn GLP và hệ thống kho đạt GSP, trong đó Nhà máy số 2 chuyên sản xuất các sản phẩm thuốc có nguồn gốc từ dược liệu được đầu tư bài bản với dây chuyền hoàn toàn khép kín và là nhà máy sản xuất thuốc đông dược đầu tiên của Việt Nam đạt GMP-WHO.

Danapha cũng tìm kiếm một hướng đi riêng cho mình trong việc đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu với việc cho ra đời Trung tâm Nghiên cứu phát triển được đầu tư quy mô, hiện đại, hứa hẹn đem lại những thành công mới trong tương lai.

Sản phẩm của Danapha được phân phối trên khắp 64 tỉnh thành trong cả nước thông qua 4 chi nhánh tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa và Trung tâm tại Đà Nẵng cùng với các đại lý, nhà phân phối tại các địa phương. Sản phẩm công ty cũng đã xuất khẩu sang các nước Nga và các nước khối CIS, các quốc gia Đông Âu và Đông Nam Á. Doanh thu bình quân hàng năm tăng trưởng từ 15 - 20%.

## Ban Kiểm Soát



PGS - TS. **NGUYỄN THỊ LIÊN HOA**  
Trưởng Ban Kiểm Soát



THS. **NGUYỄN THỊ TRÀ VY**  
Thành Viên Ban Kiểm Soát



CN. **PHẠM HƯƠNG GIANG**  
Thành Viên Ban Kiểm Soát

### SỨ MỆNH

Nỗ lực cống hiến vì sức khỏe cộng đồng với những giá trị nhân văn cao đẹp

### TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Sản xuất những sản phẩm mang giá trị chất lượng, đạt hiệu quả tối ưu.
- Không ngừng đổi mới vì sự chuyên nghiệp và phát triển bền vững.
- Nhân lực là yếu tố quyết định mọi thành công của Danapha.
- Chú trọng hiệu quả chiều sâu của công việc.

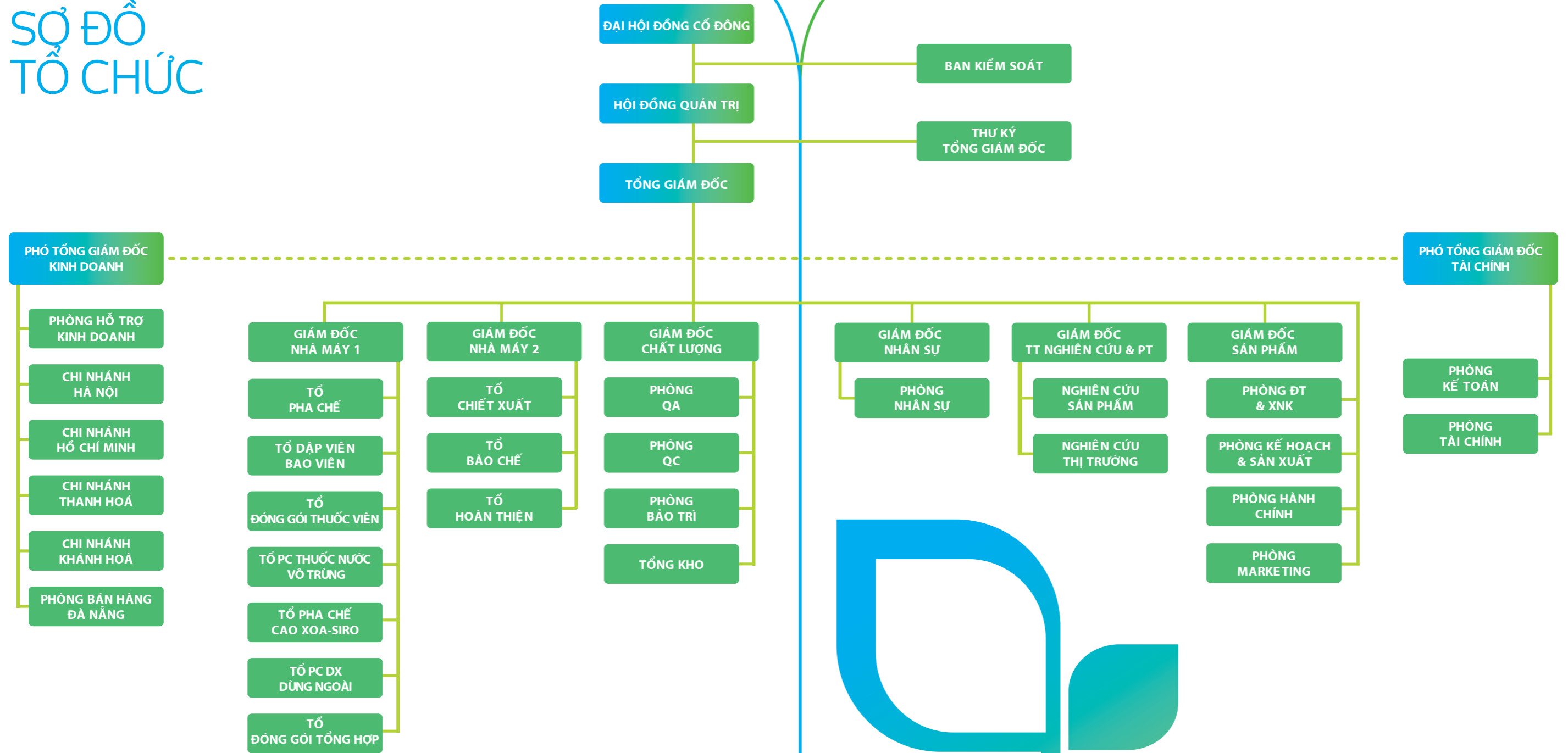
### TÂM NHÌN

Là một trong Top 10 nhà sản xuất dược phẩm uy tín tại Việt Nam

### HỆ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Sự tôn trọng
- Chất lượng
- Chú trọng khách hàng
- Tinh thần tập thể
- Sự chuyên nghiệp

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



— Quan hệ trực tiếp  
 - - - Quan hệ gián tiếp

# BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014  
MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP 2015



## I. Khái quát tình hình năm 2014

### 1. Cơ cấu sở hữu hiện hữu của Danapha:

- Vốn điều lệ: 62 tỷ đồng được chia thành 6.200.000 cổ phần. Trong đó:
  - + Cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Dược VN) sở hữu 2.916.125 cổ phần chiếm tỷ lệ 47,03%
  - + Cổ đông ngoài sở hữu 2.839.305 cổ phần chiếm tỷ lệ 45,8%
  - + Cổ đông của Danapha sở hữu 444.570 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,17%

### 2. Thuận lợi:

- Các chính sách kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, lạm phát được kiểm soát tuy nhiên sản xuất trong nước vẫn còn nhiều khó khăn.
- Tình hình thị trường dược phẩm năm 2014 không có nhiều biến động. Nguồn cung và giá các mặt hàng thuốc trên thị trường nhìn chung ổn định. Mức giá thuốc và dịch vụ y tế chỉ tăng 0,03%.
- Chỉ tiêu cho dược phẩm bình quân trên đầu người ở Việt Nam được dự đoán vẫn tiếp tục tăng. Tăng trưởng này được thúc đẩy bởi sự phát triển của xã hội và sự mở rộng của hệ thống bảo hiểm y tế quốc gia.
- Trong năm 2014, hoạt động sản xuất của Danapha luôn duy trì ở nhịp độ cao với khối lượng hàng hóa sản xuất tăng mạnh cho cả nội địa và xuất khẩu.
- Công tác xuất khẩu tăng trưởng vượt mức kế hoạch và đạt kim ngạch hơn 3,5 triệu USD.
- Tiếp tục công tác tuyển dụng nhân lực có chất lượng cao. Đẩy mạnh công tác đào tạo để nâng cao năng lực hoạt động của Danapha.

- Hoạt động đầu tư tiếp tục được quan tâm trong việc đầu tư hệ thống thiết bị tự động cho các công đoạn sản xuất; Đầu tư mới dây chuyền sản xuất methadone và viên nang mềm Đông dược, dự kiến đưa vào sản xuất từ đầu năm 2015.
- Việc làm và đời sống của người lao động trong công ty luôn được quan tâm. Thu nhập bình quân năm 2014 trung bình đạt 12,5 triệu đồng/ 1 người/ 1 tháng.

### 3. Khó khăn:

- Tình hình chung vẫn còn nhiều khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt khi các doanh nghiệp cùng ngành đã có sự đầu tư ngày càng bài bản.
- Doanh số các công ty Dược phẩm nội địa chiếm khoảng một nửa nhu cầu về thuốc của Việt Nam nhưng hơn 70% giá trị của thị trường vẫn là từ nhập khẩu.
- Nhiều chương trình ủng hộ thuốc nội được phát động nhưng tình hình sử dụng thuốc nội trong hệ thống bệnh viện các tuyến vẫn còn chênh lệch lớn.
- Nhóm hàng Đông dược thế mạnh của công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt khi số lượng nhà máy đạt GMP Đông dược ngày càng tăng.
- Khả năng thu hồi nợ tại các bệnh viện vẫn còn rất chậm.
- Các quy định về quản lý Nhà nước đối với nguyên liệu hướng tâm thần làm cho việc cung ứng các nguyên liệu này còn nhiều khó khăn.
- Khả năng tuyển dụng nhân lực chất lượng cao vẫn còn nhiều hạn chế.



I. Kết quả chung thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2013	TH năm 2014	TH/KH (%)	TH 2014/ 2013 (%)
Giá trị tổng sản lượng	175.000	208.000	118,86	122,76
Doanh thu	350.000	349.692	99,91	110,52
Lợi nhuận trước thuế	42.000	45.748	108,92	113,01

Trong đó:

Doanh thu từ các chi nhánh: 232,63 tỷ đồng (đạt 93,1% kế hoạch). Cụ thể:

- + CN. TP. HCM: 76,97 tỷ đồng (đạt 114,9% kế hoạch)
- + CN. Hà Nội: 57,25 tỷ đồng (đạt 90,9% kế hoạch)
- + CN. Thanh Hóa: 33,86 tỷ đồng (đạt 84,7% kế hoạch)
- + CN. Khánh Hòa: 22,44 tỷ đồng (đạt 74,8% kế hoạch)
- + Phòng Bán hàng: 42,11 tỷ đồng (đạt 84,2% kế hoạch)

Doanh thu từ khối bao tiêu: 38,46 tỷ đồng (đạt 109,9% kế hoạch)

Doanh thu từ xuất khẩu: 75,37 tỷ đồng (đạt 116% kế hoạch)

Doanh thu khác: 3,23 tỷ đồng

\* Đánh giá chung:

Tuy kết quả doanh thu năm 2014 về cơ bản là đạt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra tuy nhiên đây là năm thứ hai liên tiếp tốc độ tăng trưởng doanh thu không đạt được như kỳ vọng, một lần nữa gióng lên hồi chuông cảnh báo về định hướng thực hiện các mục tiêu phát triển trong tương lai. Tuy thị trường có nhiều thách thức bởi các dòng sản phẩm thế mạnh của công ty bắt đầu chịu sự cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ, tuy nhiên, xét một cách tổng thể điều này vẫn chưa thể hiện sự quyết tâm, nỗ lực hết mình vượt qua khó khăn của một số bộ phận thuộc khối kinh doanh. Trong năm đến, bên cạnh tiếp tục hoàn thiện các chính sách hỗ trợ bán hàng thì khối kinh doanh cần phải xây dựng chiến lược cụ thể có sự giám sát chặt chẽ của lãnh đạo công ty đi kèm các chế tài về việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ghi nhận sự cố gắng, nỗ lực của các bộ phận đã có kết quả doanh thu và tăng trưởng rất tốt: Chi nhánh Hồ Chí Minh, Phòng Đầu tư - XNK và Bộ phận bao tiêu.

Với việc thực hiện quyết liệt công tác thực hành tiết kiệm ở các khâu cộng với việc duy trì tốt các chi phí đã góp phần giảm giá vốn hàng bán dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận đạt tương đối tốt.

II. Kết quả hoạt động của các bộ phận

1. Công tác sản xuất của các nhà máy:

- Kết quả thực hiện kế hoạch của Chuyên 1: Khối lượng nhập kho đạt gần 501 triệu viên, đạt 137,8% kế hoạch.
- Kết quả thực hiện kế hoạch của Chuyên 2: Khối lượng nhập kho đạt hơn 39 triệu đơn vị phân liều, đạt 99,7% kế hoạch.
- Kết quả thực hiện kế hoạch của Nhà máy 2: Khối lượng nhập kho đạt gần 154 triệu viên, đạt 90,6% kế hoạch. Nhập kho cao khô, bột với tổng khối lượng hơn 34 tấn, đạt 108,1% kế hoạch.
- Nhìn chung công tác xây dựng kế hoạch sản xuất của các nhà máy đã dẫn đi vào ổn định và đáp ứng được yêu cầu. Sản lượng thuốc viên của nhà máy 2 đạt thấp do sự sụt giảm của viên Đông dược.
- Chất lượng sản phẩm khi xuất xưởng ổn định, hầu hết các sản phẩm đều phù hợp với yêu cầu chất lượng đã được xây dựng.
- Các nhà máy đã kiểm soát tốt hơn công tác thực hành tiết kiệm, kiểm soát được các tiêu hao năng lượng, góp phần vào việc giảm giá vốn hàng bán.

Tuy nhiên:

- Sự cố không phù hợp vẫn còn nhiều, nhất là chất lượng của bao bì với các lỗi có tính chất lặp lại trên cùng một loại vật tư dẫn đến hao phí công trong sản xuất.
  - Quy trình sản xuất vẫn chưa được xem xét một cách cẩn thận và có hệ thống, đặc biệt là các quy trình chiết xuất và sản xuất của nhà máy 2.
  - Ý thức tuân thủ quy trình của công nhân tuy có cải thiện nhưng cần phải phát huy hơn nữa, tăng cường công tác đào tạo cho công nhân lao động.
  - Chú ý công tác vệ sinh và chống xuống cấp nhà xưởng.
2. Công tác Kế hoạch sản xuất:
- Trong năm 2014, nhìn chung công tác cung ứng, điều độ và xây dựng kế hoạch sản xuất đã có những thay đổi tích cực, đáp ứng nhu cầu sản xuất cho cả xuất khẩu lẫn nội địa.
  - Giá trị tổng sản lượng đạt 208 tỷ đồng, đạt 118,9% kế hoạch.
  - Công tác dự trữ hàng hóa tương đối kịp thời, thông tin trúng thầu thường xuyên được cập nhật giúp cho việc xây dựng kế hoạch sản xuất được tốt hơn.



Tuy nhiên:

- Một số sản phẩm vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu do thiếu nguyên liệu (Phenobarbitan), do năng lực thiết bị (Nước cất)....
- Lỗi bao bì tương đối nhiều nhưng chưa có giải pháp thay thế, chưa mạnh dạn trong việc loại trừ các loại bao bì không đạt chất lượng.
- Việc chờ cấp số đăng ký lại còn nhiều khó khăn và mất rất nhiều thời gian, ảnh hưởng lớn đến hoạt động điều độ sản xuất.

### 3. Công tác bán hàng và Marketing:

- Cơ cấu doanh thu vẫn tập trung chủ yếu vào các nhóm hàng thế mạnh trong khi sức ép cạnh tranh từ các nhóm hàng này ngày càng tăng.
- Doanh thu nhóm hàng Đông dược sụt giảm mạnh do trượt thâu vì bị cạnh tranh về giá cũng như lỗi hồ sơ sản phẩm và giấy phép lưu hành dẫn đến kế hoạch doanh thu 100 tỷ đồng cho 5 sản phẩm Đông dược không đạt như mong muốn.
- Doanh thu nhóm sản phẩm mới đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch chưa phản ánh được khả năng tiếp cận sản phẩm mới vào thị trường.
- Việc phát triển kênh OTC trong giai đoạn đầu còn nhiều khó khăn do nhân sự còn mới và đang được đào tạo. Các sản phẩm trên kênh này cũng chịu nhiều sức ép cạnh tranh về quảng cáo, khuyến mãi, cần có một chính sách phù hợp hơn cho việc tiêu thụ sản phẩm trên kênh này.
- Thiếu các sản phẩm mới có tính đột phá để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm của công ty trong điều kiện các dòng sản phẩm ngày càng bão hòa.
- Việc cơ cấu lại các dòng sản phẩm vẫn chưa được triển khai một cách tích cực và hiệu quả.

- Công tác marketing vẫn chỉ tập trung vào nhóm hàng đã có thị trường tương đối tốt. Xây dựng các chương trình khuyến mãi chưa hấp dẫn và thiếu tính đồng bộ trong phối hợp. Việc giới thiệu sản phẩm mới chưa bài bản.
- Việc thu hồi nợ trên kênh ETC vẫn còn rất chậm.

### 4. Công tác xuất nhập khẩu:

- Kết quả hoạt động xuất khẩu tăng trưởng tốt so với kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu năm 2014 đạt 3,52 triệu USD, đạt 116% kế hoạch năm.
- Công tác xúc tiến thương mại rất được quan tâm nhưng vẫn còn những hạn chế nhất định do các thủ tục đăng ký phức tạp tại các nước nhập khẩu.
- Công tác nhập khẩu đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời cho sản xuất. Cơ bản đảm bảo được phần lớn chất lượng các lô hàng nhập. Kim ngạch nhập khẩu năm 2014 đạt 2,2 triệu USD.
- Tiếp tục tìm kiếm các nguồn để nhập các loại dược liệu chất lượng cao, tiến hành khảo sát các nhà cung ứng bao bì sạch đạt tiêu chuẩn theo quy định mà cơ sở trong nước không đáp ứng được.

### 5. Công tác nghiên cứu và phát triển:

- Hoạt động nghiên cứu phát triển là một trong những hoạt động luôn được kỳ vọng sẽ tạo ra các bước tiến nổi bật cho sản phẩm của công ty tuy nhiên tính đột phá vẫn chưa được như mong muốn.
- Các sản phẩm mới tuy được nghiên cứu thường xuyên với số lượng lớn nhưng khả năng tiếp cận thị trường rất kém.



- Chưa khẳng định được thế mạnh về Đông dược của Danapha bằng các sản phẩm có nét riêng và mang tính đột phá, nhất là trên kênh OTC.
- Quy trình sản xuất tuy có nhiều cố gắng cải tiến nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chưa theo kịp thực tế sản xuất, nhất là các quy trình sản xuất tại nhà máy 2.
- Hồ sơ sản phẩm còn thiếu sót về thành phần hoạt chất, giấy phép lưu hành sản phẩm chưa cập nhật thông tin dẫn đến trượt thâu nhiều mặt hàng Đông dược.
- Công tác nghiên cứu và đánh giá, dự báo thị trường còn nhiều hạn chế. Ngoài ra:
- Trong năm đã tiến hành nghiên cứu 17 sản phẩm mới các loại, trong đó có 11 sản phẩm đã được triển khai sản xuất.
- Các đề tài, dự án đang được triển khai theo đúng kế hoạch và lộ trình như: Dự án thuốc phóng thích kéo dài, dự án KC10.
- Nghiên cứu cải tiến công thức để chuẩn bị thử tương đương sinh học cho một số sản phẩm chủ lực.
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với các Viện, Trường trong nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực.
- Đẩy mạnh việc phối hợp và tăng cường trao đổi thông tin với bộ phận kinh doanh để triển khai sản phẩm mới một cách phù hợp và hiệu quả.

### 6. Công tác quản lý chất lượng:

- Hệ thống quản lý chất lượng đã triển khai thực hiện, duy trì tính hiệu quả của toàn hệ thống theo các nguyên tắc GPs và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Duy trì tốt việc quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất một cách toàn diện, đảm bảo sản phẩm trước khi xuất xưởng được kiểm soát một cách chặt chẽ. Trong năm không có sản phẩm nào bị thu hồi vì lý do chất lượng.
- Thực hiện tốt các nội dung thanh tra, kiểm tra: Kiểm tra định kỳ ISO 9001:2008, đã được chứng nhận và cấp chứng chỉ vào tháng 4/2014; Thanh tra GMP của cục quản lý dược Kazakhstan vào tháng 4/2014, đã được đoàn thanh tra đánh giá cao và đồng ý tiếp tục cấp số đăng ký cho các sản phẩm của Danapha vào Kazakhstan.
- Tổng số lượt nhập nguyên liệu, dược liệu, bao bì năm 2014 tăng mạnh so với năm trước, đạt 3.225 lượt. Tuy nhiên số lượt không đạt chất lượng để nhập cũng tăng lên với 46 lượt, phần lớn là bao bì lọ nhựa và ống thủy tinh của các cơ sở trong nước.
- Hoạt động kiểm tra trong quá trình sản xuất được duy trì thường xuyên tại các nhà máy, kịp thời phát hiện các lỗi phát sinh để có hướng xử lý kịp thời.



- Đã hoàn thiện hồ sơ thẩm định mọi mặt theo kế hoạch thẩm định gốc đã được phê duyệt. Hệ thống thiết bị và phụ trợ được bảo dưỡng bảo trì theo kế hoạch, quản lý chặt chẽ các thiết bị áp lực.
- Về tình hình chất lượng sản phẩm: Trong năm có 81 phiếu sản phẩm không phù hợp, tăng nhẹ so với năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do quy trình sản xuất chưa ổn định, bao bì không đạt và đặc biệt là lỗi bất cẩn trong thực hiện công việc, không tuân thủ quy trình sản xuất.
- Tổng lượng sản phẩm bị trả về là 791.356 đơn vị giảm nhiều so với năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do hàng trượt thấu, cận hạn sử dụng và một vài sản phẩm có chất lượng chưa ổn định, quá trình đóng gói dễ bể vỡ... Tất cả các hạn chế đó đều đã được khắc phục. Tuy nhiên các tồn tại vẫn còn như:
- Vẫn còn nhiều quy trình sản xuất chưa thật sự ổn định nên phát sinh nhiều sự cố trong quá trình sản xuất và theo dõi chất lượng.
- Ý thức công nhân trong việc tuân thủ các SOP còn chưa cao.
- Việc quản lý bao bì tại kho chưa chặt chẽ, phòng QA, KHSX chưa kịp thời kiểm soát số lượng hàng hóa tồn kho. Việc cấp phát bao bì vào sản xuất chưa thực hiện được theo lệnh sản xuất.
- Nhà xưởng sản xuất tại chuyển không đảm bảo diện tích, số lượng sản phẩm nhiều dẫn đến nguy cơ nhiễm lẫn cao.
- Tình trạng chất lượng bao bì không ổn định, đặc biệt các loại lọ đóng thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ mũi, ống tiêm, bao bì giấy.

**7. Công tác đầu tư:**

- Năm 2014 công tác đầu tư tập trung thay thế các máy móc thiết bị đã quá cũ và hay hỏng hóc (Máy nước cất Đài Loan) và hệ thống đóng gói tự động cho nhà máy 1 để nâng cao công suất và tránh sai sót, nhầm lẫn (Máy đếm viên, vỏ hộp, siết nắp, dán nhãn,...).
- Đầu tư cải tạo khu pilot của Trung tâm R&D cho hai dây chuyền sản xuất mới là sirô methadone và viên nang mềm Đông dược.
- Cải tạo, nâng cấp nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ phục vụ cho công tác tái thẩm định GMP vào tháng 3 năm 2015.
- Xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2015 với nhiều hạng mục đầu tư mới.

**8. Công tác tài chính, kế toán:**

- Bộ phận tài chính đã thực hiện tốt công tác kiểm soát các chỉ tiêu tài chính và thực hiện các báo cáo một cách kịp thời.
- Các chỉ tiêu tài chính năm 2014 cơ bản nhìn chung là đạt và vượt kế hoạch.
- Tiến hành tổng hợp, phân tích tuổi nợ để trích lập dự phòng công nợ và tồn kho đúng qui định.
- Tham gia thảo luận chi phí với khối kinh doanh, thu thập thông tin và hợp tác với các bộ phận khác trong Công ty. Xây dựng kế hoạch tài chính năm 2015 đúng hạn.
- Giá vốn hàng bán từng bước được kiểm soát và có xu hướng giảm do kiểm soát được chi phí năng lượng và tiêu hao khác.
- Các chính sách liên quan đến hoạt động bán hàng tiếp



tục được quan tâm điều chỉnh cho hợp lý. Cần thúc đẩy công tác thu hồi công nợ.

- Công tác kế toán đáp ứng được hoạt động của doanh nghiệp.

**9. Công tác quản trị nhân sự và đào tạo:**

- Tiếp tục khảo sát, đánh giá để tái cấu trúc nguồn nhân lực một cách hiệu quả.
- Xem xét để bạt vào các vị trí quản lý đối với các cán bộ trẻ có đầy đủ năng lực và phẩm chất, phục vụ cho kế hoạch phát triển lâu dài của Công ty.
- Tuổi đời trung bình của người lao động đang dần được trẻ hóa, tạo ra năng lực sản xuất và kinh doanh tốt hơn, năng động hơn.
- Tổng số lao động tuyển mới trong năm là 62 người, chủ yếu tập trung cho phát triển kênh bán hàng OTC.
- Tổng số tiền lương chi trả trong năm là hơn 38 tỷ đồng, chiếm hơn 11% doanh thu của công ty.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm và chính sách cho người lao động.
- Trong năm đã tổ chức các chương trình đào tạo đạt

100% kế hoạch đề ra. Tiến hành phân tích nhu cầu để xây dựng các chương trình đào tạo hiệu quả. Tuy nhiên:

- Chưa xây dựng được kế hoạch và chiến lược phát triển nguồn nhân lực một cách bài bản để phục vụ cho các mục tiêu phát triển lâu dài của doanh nghiệp.
- Tuy có qua các lớp đào tạo nhưng chất lượng sau đào tạo tại một số bộ phận, vị trí chưa được nâng cao tương xứng. Cần lưu ý đến ý thức tuân thủ quy trình, trong thao tác của khối sản xuất và các kỹ năng, nghiệp vụ và tâm huyết của khối kinh doanh.
- Tính đến 31/12/2014, tổng số lao động của công ty là 388 người. Trong đó: Trình độ trên đại học là 17 người; Đại học là 151 người; Cao đẳng và trung cấp là 15 người.



### III. Các mục tiêu và giải pháp năm 2015

#### I. Dự báo tình hình năm 2015:

Năm 2015 thị trường dược phẩm VN dự báo tiếp tục sẽ tăng trưởng. Các chính sách về sử dụng thuốc nội tiếp tục được quan tâm.

Các doanh nghiệp Dược trong nước sẽ tiếp tục có sự đầu tư bài bản hơn để tăng tính cạnh tranh.

Doanh số của thị trường Dược phẩm Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng với tỷ lệ hơn 20% vào năm 2017.

Với quy mô dân số lớn và một thị trường nhiều tiềm năng, ngành Dược Việt Nam sẽ thu hút được nhiều quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài. Đây cũng là cơ hội nhưng cũng là thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp trong nước.

#### II. Mục tiêu kế hoạch năm 2015:

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2014 và tình hình thực tế của thị trường cũng như thực tế SXKD của doanh nghiệp, Danapha tập trung phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 2015 theo chỉ tiêu kế hoạch như sau:

- Giá trị tổng sản lượng: 195 tỷ đồng
- Doanh thu: 400 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế (15%): 60 tỷ đồng

#### III. Các giải pháp, hành động cần tập trung cho năm 2015:

Năm 2015 với sự gia tăng của vốn điều lệ, đòi hỏi các chỉ tiêu kết quả SXKD phải gia tăng theo để đảm bảo kế hoạch tăng trưởng và các mục tiêu phát triển trong tương lai. Trên cơ sở đó, các giải pháp sẽ được tập trung vào các nhóm vấn đề chính sau:

#### 1/ Nhóm giải pháp về sản xuất và kế hoạch sản xuất:

- Nâng cao chất lượng và ý thức của công nhân lao động, tăng cường đào tạo và đào tạo lại để giảm các sai sót trong quá trình sản xuất về mức thấp nhất.
- Các nhà máy phối hợp với hệ thống chất lượng tăng cường kiểm tra theo dõi một cách nghiêm ngặt quá trình sản xuất để tránh các nhầm lẫn, sai sót.
- Tìm các các nguồn vật tư bao bì thay thế theo hướng bao bì sạch theo quy định. Kiên quyết loại trừ các nhà cung ứng không đạt chất lượng.

#### 2/ Nhóm giải pháp về kinh doanh và marketing:

##### 2.1/ Đẩy mạnh hoạt động ở khối kinh doanh:

- Có các giải pháp và cam kết rõ ràng về hoàn thành chỉ tiêu doanh thu đối với các trưởng chi nhánh.
- Xây dựng giải pháp để gia tăng doanh số và giữ vững thị trường của các nhóm hàng chủ lực. Mở rộng nhóm hàng bao tiêu cho các đối tác phân phối uy tín.
- Tập trung phát huy nguồn lực của kênh OTC đã được đầu tư đúng mức nhằm tăng cơ cấu doanh thu, thực hiện thành công chỉ tiêu được giao.
- Cập nhật thường xuyên các văn bản mới ban hành để tập trung cho công tác đấu thầu một cách hiệu quả. Theo dõi và bổ sung các sản phẩm còn thiếu trong bảng kê khai giá thuốc trên website của Cục Quản lý Dược.
- Tăng cường phối hợp hoạt động giữa các bộ phận để đảm bảo nguồn thông tin phối hợp đầy đủ nhất, đặc biệt giữa Ban PTKD và Trung tâm R&D và phòng Marketing về thay đổi công thức, số đăng ký, sản phẩm mới,...

##### 2.2/ Hoạt động marketing:

- Xây dựng chiến lược quảng cáo một cách hiệu quả. Các chương trình khuyến mãi cần hấp dẫn và linh hoạt hơn.
- Cải tiến cách thức đưa sản phẩm mới vào thị trường: Đưa vào chương trình hội thảo, tờ rơi giới thiệu, hàng mẫu trưng bày.
- Chú trọng công tác marketing cho các nhóm sản phẩm Đông dược vốn đang bị cạnh tranh ngày càng gay gắt để giữ vững thương hiệu Đông dược Danapha.
- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp để phát triển kênh bán hàng OTC một cách hiệu quả, qua đó kết hợp định vị và nâng cao thương hiệu Danapha.
- Lồng ghép công tác marketing trong các chương trình kỷ niệm lớn được tổ chức trong năm.

#### 3/ Nhóm giải pháp về công tác nhân sự và đào tạo:

- Lập kế hoạch nguồn nhân lực để giúp lãnh đạo Công ty lựa chọn được đội ngũ lao động phù hợp với nhu cầu công việc, đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu đề ra.
- Xây dựng chiến lược và sơ đồ phát triển nghề nghiệp của cán bộ chủ chốt nhằm nâng cao hướng phát triển doanh nghiệp.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch hành động văn hóa doanh nghiệp bằng các hình thức cụ thể, thiết thực.
- Tăng cường công tác đào tạo: Nâng cao ý thức cho công nhân lao động, kỹ năng quản lý cho tổ trưởng sản xuất và các giám sát kỹ thuật; Đào tạo kiến thức, kỹ năng cho trình dược viên về nghiệp vụ thầu và cập nhật các văn bản mới; Bổ sung kiến thức về phân tích đối thủ cạnh tranh.

#### 4/ Nhóm giải pháp về nghiên cứu phát triển:

- Duy trì và nâng cao hoạt động của bộ phận cảnh giác Dược để có các khuyến cáo cần thiết từ ngay khi thiết lập công thức.
- Nhanh chóng xây dựng lộ trình và kế hoạch thực hiện các vùng nuôi trồng dược liệu đạt chuẩn GACP - WHO.
- Tập trung rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện và thẩm định lại các quy trình sản xuất chưa hợp lý, đặc biệt các quy trình tại nhà máy 2.
- Nhanh chóng kết hợp thẩm định các cải tiến của dây chuyền chiết xuất và quy trình hóa để áp dụng chính thức trong sản xuất.
- Bám sát các văn bản ban hành mới của Bộ Y tế để có hồ sơ sản phẩm phù hợp, đúng quy định và được bảo hiểm thanh toán, đặc biệt là nhóm hàng chiến lược.
- Hoàn thiện và đưa nhóm sản phẩm thuốc phóng thích kéo dài, nhóm sản phẩm mới vào thị trường.
- Tăng cường hoạt động nghiên cứu các sản phẩm trong danh mục YHCT đã được bảo hiểm y tế thanh toán.

- Thu thập thông tin thị trường hiệu quả để có các định hướng nghiên cứu các sản phẩm mới tạo sự khác biệt của Danapha trên kênh OTC.

#### 5/ Nhóm giải pháp về công tác chất lượng:

- Tập trung việc hoàn thiện, cải tạo lại hệ thống chuẩn bị tái xét GMP vào tháng 3 năm 2015 và ISO vào tháng 5 năm 2015.
- Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị để đảm bảo các khu vực sản xuất, các quy trình tuân thủ nguyên tắc GMP.
- Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp để tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát trong quá trình sản xuất để hạn chế tối đa các sai sót, nhầm lẫn.
- Hoàn thiện việc đánh giá nhà cung ứng nguyên liệu, bao bì để chọn được những nhà cung ứng uy tín, đáp ứng được các quy định và nhu cầu SXKD của công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ vật tư, bao bì đầu vào, kiểm soát được tồn kho cũng như việc cấp phát bao bì.
- Lưu ý đến chất lượng thuốc đông dược và bao bì sạch theo yêu cầu của Cục Quản lý Dược.
- Định hướng tư vấn và thực hiện Công ước về Thanh tra Dược và Chương trình hợp tác thanh tra trong lĩnh vực thực hành tốt sản xuất thuốc PICs-GMP.

#### 6/ Nhóm giải pháp về tài chính, kế toán:

- Phối hợp thực hiện thành công các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2015.
- Theo dõi chặt chẽ và có biện pháp thúc đẩy việc thu hồi công nợ.
- Theo dõi việc thực hiện các chính sách tài chính liên quan đến hoạt động bán hàng và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các đề xuất, điều chỉnh phù hợp.
- Thường xuyên cập nhật số liệu vật tư tiêu hao, năng lượng,... và có các cảnh báo kịp thời khi có sự biến động lớn về số liệu.
- Công tác kế toán cần phát huy hơn nữa, cập nhật số liệu nhanh chóng, chính xác và thực hiện các báo cáo một cách kịp thời khi có yêu cầu.



Ths. Ds. Nguyễn Quang Trí  
Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

### Giấy Chứng nhận Đăng kí

Kinh doanh số	3203001246	ngày 20 tháng 12 năm 2006
	0400102091	ngày 14 tháng 09 năm 2010
	0400102091	ngày 17 tháng 05 năm 2011
	0400102091	ngày 06 tháng 11 năm 2013
	0400102091	ngày 08 tháng 05 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng kí Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng kí Kinh Doanh số 0400102091 ngày 8 tháng 5 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng kí Kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp.

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Trị	Chủ tịch
Ông Mai Đăng Đầu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ	Thành viên
Ông Phạm Khắc Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên

### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Trị	Tổng Giám đốc
Ông Mai Đăng Đầu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

### Trụ sở đăng ký

253 Dường Sĩ Thanh Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Quang Trí  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Đà Nẵng, ngày 24 tháng 3 năm 2015



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dược Danapha



KPMG Limited: 10th floor, Sun Wah Tower,  
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam  
Tel: +84 (8) 3821 9266 / Fax: +84 (8) 3821 9267  
Web: www.kpmg.com.vn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm

toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-452



Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc  
TP.HCM, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Anh Hưng  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2206-2013-007-1

**Bảng cân đối kế toán**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>				
<b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>271.922.821.231</b>	<b>224.672.829.497</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>58.411.900.766</b>	<b>47.378.429.586</b>
Tiền	111		53.411.900.766	47.378.429.586
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>22.794.016.667</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>111.835.455.816</b>	<b>112.128.944.154</b>
Phải thu khách hàng	131		109.024.574.154	110.205.334.274
Trả trước cho người bán	132		2.962.859.245	854.448.840
Các khoản phải thu khác	135		1.020.920.941	2.089.879.650
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.172.898.524)	(1.020.718.610)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>74.993.553.777</b>	<b>64.330.093.404</b>
Hàng tồn kho	141		77.745.195.619	65.565.998.841
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.751.641.842)	(1.235.905.437)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.887.894.205</b>	<b>835.362.353</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.887.894.205	831.928.244
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	3.434.109
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250)</b>	<b>200</b>		<b>123.043.534.149</b>	<b>125.747.446.857</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>110.174.783.889</b>	<b>115.087.446.857</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	68.137.532.356	73.050.195.324
Nguyên giá	222		170.274.559.679	161.180.999.454
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.137.027.323)	(88.130.804.130)
Tài sản cố định vô hình	227	9	42.037.251.533	42.037.251.533
Nguyên giá	228		42.037.251.533	42.037.251.533
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>12.868.750.260</b>	<b>10.660.000.000</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.820.000.000	8.820.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(951.249.740)	(3.160.000.000)
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>394.966.355.380</b>	<b>350.420.276.354</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>214.265.527.552</b>	<b>186.500.827.362</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>212.321.552.312</b>	<b>181.512.355.793</b>
Vay ngắn hạn	311	11	91.587.414.432	70.790.918.375
Phải trả người bán	312		20.925.995.028	20.301.381.485
Người mua trả tiền trước	313		7.957.845	84.182.270
Thuế phải nộp Nhà nước	314	12	1.050.215.264	3.756.220.626
Phải trả người lao động	315		19.629.039.515	10.847.941.499
Chi phí phải trả	316	13	7.300.584.008	6.792.038.438
Các khoản phải trả khác	319	14	68.185.670.567	64.587.499.929
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	15	3.634.675.653	4.352.173.171
<b>Vay dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>16</b>	<b>1.943.975.240</b>	<b>4.988.471.569</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>180.700.827.828</b>	<b>163.919.448.992</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>181.001.870.807</b>	<b>163.320.948.992</b>
Vốn cổ phần	411	18	62.000.000.000	62.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		58.100.000.000	58.100.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	417	19	53.415.224.501	37.502.394.868
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	7.486.646.306	5.718.554.124
<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>17</b>	<b>(301.042.979)</b>	<b>598.500.000</b>
Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		(594.042.979)	305.500.000
Nguồn kinh phí sự nghiệp đầu tư vào tài sản cố định	433		293.000.000	293.000.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>394.966.355.380</b>	<b>350.420.276.354</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 - DN

### CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Ngoại tệ	1.501.774	577.887

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:






**Trương Thị Diệu Huyền**  
Trưởng phòng kế toán

**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Phó Tổng Giám đốc  
kiểm Kế toán trưởng

**Nguyễn Quang Trị**  
Tổng Giám đốc



## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

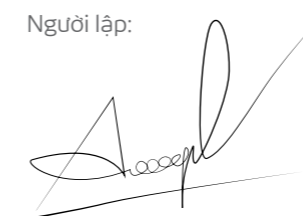
Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>351.577.019.301</b>	<b>318.927.899.790</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>20</b>	<b>1.884.587.177</b>	<b>2.521.163.920</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>349.692.432.124</b>	<b>316.406.735.870</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>21</b>	<b>189.091.609.175</b>	<b>170.838.522.101</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>160.600.822.949</b>	<b>145.568.213.769</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.084.883.958	1.524.687.585
Chi phí tài chính	22	23	8.175.161.147	14.296.926.781
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.314.607.247	11.051.344.497
Chi phí bán hàng	24		67.344.658.925	62.815.635.279
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40.998.102.333	29.502.997.697
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>46.167.784.502</b>	<b>40.477.341.597</b>
Thu nhập khác	31		193.500.000	3.369.654
Chi phí khác	32		612.992.305	122.414
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(419.492.305)</b>	<b>3.247.240</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>45.748.292.197</b>	<b>40.480.588.837</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>24</b>	<b>10.386.448.566</b>	<b>10.259.671.107</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>35.361.843.631</b>	<b>30.220.917.730</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>25</b>	<b>5.704</b>	<b>4.874</b>

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:





**Trương Thị Diệu Huyền**  
Trưởng phòng kế toán

**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Phó Tổng Giám đốc  
kiểm Kế toán trưởng

**Nguyễn Quang Trị**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc**Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	2014 VND	2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>45.748.292.197</b>	<b>40.480.588.837</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	14.433.722.560	14.555.923.035
Các khoản dự phòng	03	144.272.378	3.419.248.653
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(691.854.164)	35.304.788
Xóa sổ tài sản cố định	05	-	316.924.226
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.288.152.708)	(1.250.484.880)
Chi phí lãi vay	06	10.314.607.247	11.051.344.497
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>68.660.887.510</b>	<b>68.608.849.156</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(3.385.890.704)	(28.749.318.636)
Biến động hàng tồn kho	10	(12.814.278.953)	(1.367.223.477)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	10.307.096.652	18.706.438.465
Biến động chi phí trả trước	12	-	232.000.000
		62.767.814.505	57.430.745.508
Lãi vay đã trả	13	(10.302.350.894)	(12.466.277.197)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(13.177.879.373)	(5.030.560.210)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	423.358.352	180.702.423
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.657.962.313)	(7.030.970.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>34.052.980.277</b>	<b>33.083.640.524</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(9.521.059.592)	(9.931.162.921)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	193.500.000	-
Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn	26	(22.794.016.667)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.094.652.708	1.250.484.880
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(31.026.923.551)</b>	<b>(8.680.678.041)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc**Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	2014 VND	2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay nhận được	33	128.805.355.600	109.111.712.340
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(111.053.355.872)	(112.820.053.123)
Tiền trả cổ tức	36	(9.917.405.000)	(9.813.362.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>7.834.594.728</b>	<b>(13.521.702.783)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>10.860.651.454</b>	<b>10.881.259.700</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>47.378.429.586</b>	<b>36.497.169.886</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>172.819.726</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>58.411.900.766</b>	<b>47.378.429.586</b>

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:

**Trương Thị Diệu Huyền**  
Trưởng phòng kế toán

**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Phó Tổng Giám đốc  
kiểm Kế toán trưởng**Nguyễn Quang Trị**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dược Danapha ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 từ cổ phần hóa Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 5. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh Dược phẩm trong ngành Dược.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 433 nhân viên (31/12/2013: 378 nhân viên).

### 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### (b) Tiến và các khoản tương đương tiền

Tiến bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng

lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### (d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### (f) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 6 năm

#### (g) Tài sản cố định vô hình

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

sử dụng đất;

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

#### (h) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

#### (i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### (j) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

##### (i) Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;

- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

- công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### Các khoản cho vay và phải thu

▪ các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

#### (ii) Nợ phải trả tài chính

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

mua lại trong thời gian ngắn;

- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính phân ảnh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

### (k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên

quan này sẽ sử dụng được.

### (l) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối mỗi năm dựa trên tỷ lệ phần trăm được các cổ đông quyết định vào đại hội cổ đông thường niên.

### (m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

### (n) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

### (o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

### (p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

### (q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh Dược phẩm, và chủ yếu trong một bộ phận địa lý cần báo cáo là Việt Nam.

### (r) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty là các doanh nghiệp và cá nhân trực tiếp, hoặc gián tiếp thông qua một hay nhiều trung gian, kiểm soát hoặc được kiểm soát bởi, hoặc dưới quyền kiểm soát, của Công ty, bao gồm các công ty được nắm giữ, công ty con và các công ty con của công ty con. Các công ty liên kết và cá nhân sở hữu, trực tiếp hoặc gián tiếp, liên quan đến quyền biểu quyết của Công ty và tác động đáng kể đến doanh nghiệp, nhân sự quản lý chủ chốt, bao gồm giám đốc và nhân viên của Công ty và các thành viên gia đình mật thiết

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

của những cá nhân này cùng với Công ty liên kết của họ cũng được xem là các bên liên quan.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.450.788.968	991.273.239
Tiền gửi ngân hàng	51.961.111.798	46.387.156.347
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
	58.411.900.766	47.378.429.586

### 5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi kì hạn 6 tháng bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn Hà Nội, Chi nhánh Hải Châu và hưởng lãi suất 7,1% mỗi năm.

### 6. Các khoản phải thu

Phải thu thương mại bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các bên liên quan	2.050.659.972	1.338.648.207
Phải thu từ các bên thứ ba	106.973.914.182	108.866.686.067
	109.024.574.154	110.205.334.274

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu phải thu khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kỳ quỹ ngắn hạn	102.835.938	317.738.500
Phải thu khác	918.085.003	1.772.141.150
	1.020.920.941	2.089.879.650

### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên vật liệu	41.482.489.181	42.541.971.162
Công cụ và dụng cụ	107.126.729	66.653.915
Sản phẩm dở dang	1.088.444.459	5.090.560.204
Thành phẩm	35.015.744.980	17.866.813.560
Hàng hóa	51.390.270	-
	77.745.195.619	65.565.998.841
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.751.641.842)	(1.235.905.437)
	74.993.553.777	64.330.093.404

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	1.235.905.437	1.285.375.786
Tăng dự phòng trong năm	2.150.818.580	821.842.565
Sử dụng dự phòng trong năm	(635.082.175)	(871.312.914)
Số dư cuối năm	2.751.641.842	1.235.905.437



## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	72.743.520.834	82.268.954.474	6.168.524.146	161.180.999.454
Tăng trong năm	1.068.290.000	8.327.769.592	1.250.000.000	9.521.059.592
Thanh lý	-	(65.562.700)	(361.936.667)	(427.499.367)
Số dư cuối năm	73.811.810.834	90.531.161.366	5.931.587.479	170.274.559.679
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	29.523.278.347	54.215.718.406	4.391.807.377	88.130.804.130
Khấu hao trong năm	4.400.551.693	9.521.490.658	511.680.209	14.433.722.560
Thanh lý	-	(65.562.700)	(361.936.667)	(427.499.367)
Số dư cuối năm	33.923.830.040	63.671.646.364	4.541.550.919	102.137.027.323
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư cuối năm	39.887.980.794	26.859.515.002	1.390.036.560	68.137.532.356
Số dư đầu năm	43.220.242.487	28.053.236.068	1.776.716.769	73.050.195.324

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá là 36.443.660.192 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 28.880.269.772 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 19.697.733.205 VND (31/12/2013: 45.918.249.828 VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

### 9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	42.037.251.533
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	42.037.251.533

### 10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ số hữu	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vốn dài hạn tại:			
Công ty liên kết			
Công ty cổ phần Dược Danapha - Nanosome	49%	8.820.000.000	8.820.000.000
Đầu tư vốn vào công ty khác			
Công ty CP Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	7%	5.000.000.000	5.000.000.000
		13.820.000.000	13.820.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(951.249.740)	(3.160.000.000)
		12.868.750.260	10.660.000.000

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Giấy Chứng nhận Đầu tư	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %
Công ty cổ phần Dược Danapha - Nanosome	321032000092 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2009	Sản xuất và kinh doanh các loại hóa, dược, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Nghiên cứu và phát triển khoa học ứng dụng cho Dược phẩm	49%	49%

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

### 11. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn (*)	91.351.414.432	61.945.314.937
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 16)	236.000.000	8.845.603.438
	91.587.414.432	70.790.918.375

(\*) Điều kiện và điều khoản của những khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	6,0% - 10,0 %	35.303.689.957	24.942.727.711
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,0% - 9,5%	50.047.724.475	37.002.587.226
Quỹ Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp	VND	6,0%	6.000.000.000	-
			91.351.414.432	61.945.314.937

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 18.771.258.331 VND (31/12/2013: 12.862.437.312 VND).

### 12. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	728.240.300	3.519.671.107
Thuế thu nhập cá nhân	321.974.964	236.549.519
	1.050.215.264	3.756.220.626

### 13. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hoa hồng cho đại lý	4.346.592.294	5.095.040.214
Phí dịch vụ chuyển môn	1.750.009.001	505.271.864
Chi phí lãi vay	1.203.982.713	1.191.726.360
	7.300.584.008	6.792.038.438

### 14. Các khoản phải trả khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	55.389.566	210.313.928
Tạm ứng từ một cổ đông cho Hợp đồng		
Hợp tác kinh doanh	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức phải trả	18.089.233.000	14.366.638.000
Phải trả khác	41.048.001	10.548.001
	68.185.670.567	64.587.499.929

Khoản tạm ứng từ một cổ đông cho Hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến việc sản xuất Dược phẩm. Khoản tạm ứng này chịu chi phí được xác định dựa trên kết quả hợp tác kinh doanh của năm.

### 15. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	4.352.173.171	7.760.138.419
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	4.040.921.816	4.221.504.752
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	(4.758.419.334)	(7.629.470.000)
Số dư cuối năm	3.634.675.653	4.352.173.171

### 16. Vay dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	2.179.975.240	13.834.075.007
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 11)	(236.000.000)	(8.845.603.438)
Hoàn trả sau 12 tháng	1.943.975.240	4.988.471.569

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	13,0%		-	214.068.750
Khoản vay 2	VND	13,0%		-	5.578.124.987
Khoản vay 3	VND	13,0%		-	3.000.361.270
Khoản vay 4	VND	10,5%	2019	2.179.975.240	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	11,6%		-	3.000.000.000
Khoản vay 2	USD	5,5%		-	2.041.520.000
				2.179.975.240	13.834.075.007

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 926.474.874 VND (31/12/2013: 33.055.812.516 VND).

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Thặng dư VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn sở hữu VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	62.000.000.000	58.100.000.000	58.100.000.000	25.414.027.776	4.207.508.238	-	149.721.536.014	-	149.721.536.014
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	30.220.917.730	30.220.917.730	-	30.220.917.730
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	12.088.367.092	1.511.045.886	(13.599.412.978)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.221.504.752)	(4.221.504.752)	-	(4.221.504.752)
Cổ tức (thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(12.400.000.000)	(12.400.000.000)	-	(12.400.000.000)
Tặng quỹ	-	-	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(101.500.000)	(101.500.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	62.000.000.000	58.100.000.000	58.100.000.000	37.502.394.868	5.718.554.124	-	163.320.948.992	598.500.000	163.919.448.992
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	35.361.843.631	35.361.843.631	-	35.361.843.631
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	15.912.829.633	1.768.092.182	(17.680.921.816)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.040.921.816)	(4.040.921.816)	-	(4.040.921.816)
Cổ tức (thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(13.640.000.000)	(13.640.000.000)	-	(13.640.000.000)
Tặng quỹ	-	-	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(1.599.542.979)	(1.599.542.979)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	62.000.000.000	58.100.000.000	58.100.000.000	53.415.224.501	7.486.646.306	-	181.001.870.807	(301.042.979)	180.700.827.828



## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

### 18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

Tại ngày 31 tháng 12 2014 và 2013	
Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	6.200.000 62.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>	
Cổ phiếu phổ thông	6.200.000 62.000.000.000
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>	
Cổ phiếu phổ thông	6.200.000 62.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Tổng công ty Dược Việt Nam	2.916.125	47,03%
Các cổ đông khác	3.283.875	52,97%
	6.200.000	100%

### 19. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

#### a. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

#### b. Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và được dùng để bù cho lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

### 20. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
• Bán hàng	351.577.019.301	318.927.899.790
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Hàng bán bị trả lại	(1.884.130.025)	(2.521.163.920)
• Giảm giá hàng bán	(457.152)	-
Doanh thu thuần	349.692.432.124	316.406.735.870

### 21. Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Thành phẩm đã bán	189.022.479.414	170.627.265.015
Hàng hoá đã bán	69.129.761	211.257.086
	189.091.609.175	170.838.522.101

### 22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	1.094.652.708	850.484.880
Thu nhập từ cổ tức	-	400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	298.377.086	274.202.705
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	691.854.164	-
	2.084.883.958	1.524.687.585

### 23. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	10.314.607.247	11.051.344.497
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(2.208.750.260)	3.160.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	69.304.160	50.277.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	35.304.788
	8.175.161.147	14.296.926.781

### 24. Thuế thu nhập

#### a. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	9.278.240.300	10.259.671.107
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.108.208.266	-
	10.386.448.566	10.259.671.107

#### b. Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	45.748.292.197	40.480.588.837
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.149.658.439	8.096.117.767
Chi phí không được khấu trừ thuế	128.581.861	2.163.553.340
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.108.208.266	-
	10.386.448.566	10.259.671.107

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

### c. Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng kí kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 20% trên thu nhập tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức thuế suất này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

### 25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày báo cáo dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

#### a. Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận thuộc các cổ đông phổ thông của Công ty	35.361.843.631	30.220.917.730

#### b. Số cổ phiếu thường bình quân gia quyền đang lưu hành

	2014 Số lượng cổ phiếu	2013 Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	6.200.000	6.200.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng (31/12/2013: Không).

### 26. Cổ tức

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã quyết định chia cổ tức 13.640.000.000 VND, tương đương 2.200 VND trên một cổ phiếu (2013: 12.400.000.000 VND, tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu).

### 27. Các công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro tài chính

##### (i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính

sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

##### (ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

#### b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗi tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

##### (i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	56.961.111.798	46.387.156.347
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(ii)	22.794.016.667	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	108.872.596.571	111.274.495.314
		188.627.725.036	157.661.651.661

##### (ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

##### (iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày đến 90 ngày (tùy theo từng khách hàng) kể từ ngày xuất hóa đơn. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Dựa trên lịch sử về việc trả nợ, Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, không cần phải lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo. Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	Số dư gộp 31/12/2014 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2014 VND	Số dư gộp 31/12/2013 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2013 VND
Trong hạn	63.024.229.695	-	63.371.460.059	-
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	11.112.256.372	-	12.656.911.618	-
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	24.517.706.646	-	22.478.025.586	-
Quá hạn trên 180 ngày	11.391.302.382	(1.172.898.524)	13.788.816.661	(1.020.718.610)
	110.045.495.095	(1.172.898.524)	112.295.213.924	(1.020.718.610)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	1.020.718.610	711.999.608
Tăng dự phòng trong năm	202.204.058	308.719.002
Dự phòng sử dụng trong năm	(50.024.144)	-
Số dư cuối năm	1.172.898.524	1.020.718.610

#### c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2014	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	89.111.665.595	89.111.665.595	89.111.665.595	-	-
Chi phí phải trả	7.300.584.008	7.300.584.008	7.300.584.008	-	-
Vay ngắn hạn	91.351.414.432	93.564.456.930	93.564.456.930	-	-
Vay dài hạn	2.179.975.240	1.554.353.778	477.285.556	381.834.444	695.233.778
	189.943.639.275	191.531.060.311	190.453.992.089	381.834.444	695.233.778
31/12/2013	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	84.888.881.414	84.888.881.414	84.888.881.414	-	-
Chi phí phải trả	6.792.038.438	6.792.038.438	6.792.038.438	-	-
Vay ngắn hạn	61.945.314.937	63.885.756.791	63.885.756.791	-	-
Vay dài hạn	13.834.075.007	16.750.500.168	10.615.803.743	2.630.790.782	3.503.905.643
	167.460.309.796	172.317.176.811	166.182.480.386	2.630.790.782	3.503.905.643

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

### d. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

#### (i). Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

#### Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản tài sản/(nợ) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.504.632	-	577.887	-
Phải thu khách hàng	1.827.733	-	1.934.695	-
Phải trả người bán	(184.551)	(28.630)	(41.900)	(85.890)
Vay dài hạn	-	-	96.640	-
	3.147.814	(28.630)	2.567.322	(85.890)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.380	21.075
1 EUR	25.542	29.276

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân

tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần VND	
<b>31/12/2014</b>	
USD (mạnh thêm 1%) ≥ làm tăng lợi nhuận thuần	538.402.107
EUR (yếu đi 13%) ≥ làm tăng lợi nhuận thuần	76.051.816
<b>31/12/2013</b>	
USD (mạnh thêm 1%) ≥ làm tăng lợi nhuận thuần	432.850.489
EUR (mạnh thêm 5%) ≥ làm giảm lợi nhuận thuần	(100.580.625)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày báo cáo.

#### (ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.961.111.798	46.387.156.347
Các khoản đầu tư ngắn hạn	22.794.016.667	-
Vay ngắn hạn	(91.587.414.432)	(70.790.918.375)
Vay dài hạn	(1.943.975.240)	(4.988.471.569)
	(13.776.261.207)	(29.392.233.597)

Lãi suất tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 110.210.090 VND lợi nhuận thuần của Công ty (2013: 235.137.869 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

### e. Giá trị hợp lý

#### (i) So sánh giá trị hợp lý với giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty, cùng với giá trị ghi sổ được thể hiện trong bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.411.900.766	58.411.900.766	47.378.429.586	47.378.429.586
Các khoản đầu tư ngắn hạn	22.794.016.667	22.794.016.667	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.872.596.571	(*)	111.274.495.314	(*)
<b>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</b>				
Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	12.868.750.260	(*)	10.660.000.000	(*)
<b>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	(89.111.665.595)	(*)	(84.888.881.414)	(*)
Chi phí phải trả	(7.300.584.008)	(*)	(6.792.038.438)	(*)
Các khoản vay	(93.531.389.672)	(*)	(75.779.389.944)	(*)

#### (ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương và các khoản đầu tư ngắn hạn khác xấp xỉ bằng với giá trị ghi sổ được trình bày trong bảng cân đối kế toán do tính ngắn hạn của thời gian đáo hạn của các công cụ tài chính này.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

### 28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
<b>Tổng công ty Dược Việt Nam</b>		
Cổ tức phải trả	6.415.475.000	5.832.250.000
Tạm ứng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh nhận được	50.000.000.000	-
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	3.878.438.356	3.917.643.457
<b>Thành viên của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao	2.325.859.163	2.217.405.383

### 29. Cam kết

#### a. Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	55.674.000.000	-

#### b. Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.769.808.564	1.771.064.812
Từ hai đến năm năm	3.384.365.392	3.443.872.241
Sau năm năm	4.367.054.144	4.603.142.557
	9.521.228.100	9.818.079.610

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

### 30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	220.098.432.430	192.913.388.940
Chi phí nhân công và nhân viên	59.039.355.789	46.101.485.347
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.433.722.560	14.555.923.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.847.357.589	33.298.064.274
Chi phí khác	58.706.720.535	39.161.335.941

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:



**Trương Thị Diệu Huyền**  
Trưởng phòng kế toán

**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Phó Tổng Giám đốc  
kiểm Kế toán trưởng

**Nguyễn Quang Trị**  
Tổng Giám đốc





"...Năm 2015 chúng ta sẽ kỷ niệm 50 năm thành lập công ty. Lòng tự hào về quá trình phát triển lâu đời của doanh nghiệp, sự lèo lái con thuyền Danapha vượt qua các thăng trầm, khó khăn của các giai đoạn lịch sử của các thế hệ lãnh đạo để có được một Danapha như hôm nay sẽ giúp chúng ta đẩy lùi các khó khăn phía trước. Cộng với sự đồng lòng, thấu hiểu, sẻ chia, của cả tập thể Danapha, tôi tin tưởng rằng nhất định chúng ta sẽ vượt qua được chính mình và thực hiện thắng lợi các kế hoạch đề ra, hướng đến sự tăng trưởng bền vững..."

Ths. Ds. **NGUYỄN QUANG TRỊ**  
Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc



## Công ty Cổ Phần Dược Danapha

### Văn phòng - Nhà máy 1:

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam  
T: (84. 511) 375 7676 / 375 7679 | F: (84. 511) 376 0127  
E: info@danapha.com

### Nhà máy 2:

Đường số 7 - KCN Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng, Việt Nam  
T: (84. 511) 373 4678 - F: (84. 511) 376 0127

### Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 9, Ngõ 87 Nguyễn Văn Trỗi, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
T: (84. 4) 3664 7357 - F: (84. 4) 3664 9628

### Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

334 Tô Hiến Thành, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh  
T: (84. 8) 3970 8129 - F: (84. 8) 3970 8127

### Chi nhánh tại Thanh Hóa:

Lô 28 Bà Triệu, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hóa  
T: (84. 37) 371 9917 - F: (84. 37) 385 6420

### Chi nhánh tại Khánh Hòa:

7/1 Lê Hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa  
T: (84. 58) 387 0077 - F: (84. 58) 387 0097